



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC**  
**NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

## **THƯ GIẢI TRÌNH**

*(Về việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 thay đổi trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2018)*

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán

Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn giải trình về việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 thay đổi trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2018 :

*Đvt : đồng*

Lợi nhuận sau thuế 6T đầu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế 6T đầu năm 2018	Thay đổi	Tỷ lệ
239.746.405.360	208.506.919.168	+ 31.239.486.192	+15%

### **Lý do :**

6T đầu năm 2019 Công ty ký thêm một số hợp đồng với một số hãng hàng không nước ngoài điều đó đã làm cho sản lượng 6T đầu năm 2019 tăng so với 6T đầu năm 2018 và cũng chính vì vậy mà doanh thu tăng 15.17 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Doanh thu tài chính quý này tăng 51.11% so với cùng kỳ năm ngoái do công ty quản lý dòng tiền tốt .

Chính vì những lý do trên đã dẫn đến Lợi nhuận sau thuế 6T đầu năm 2019 tăng 15 % so với 6T đầu năm 2018.

Trân trọng



**Nguyễn Quốc Khánh**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>	<b>5 - 8</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>9</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>10 - 11</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>12 - 36</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305654014 (số cũ là 4103009937), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 41121000112 ngày 20 tháng 4 năm 2009 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 01 đến lần 12 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 39.976.930
- Fax : (84-28) 39.976.840

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
- Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dạy nghề.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Thu Hương	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Đỗ Tất Bình	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Bích Vượng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Bà Cù Thị Thuận	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Bà Tạ Thu Hà	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Khoa Năng Lưu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Trương Minh Sang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018
Ông Tô Hiến Phụng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2009
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2010

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Khánh - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Bùi Thị Thu Hương**  
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 8 năm 2019





Số: 1.1156/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 7 năm 2019, từ trang 05 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc tự xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286.387.558.013</b>	<b>267.613.680.561</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>41.847.090.332</b>	<b>47.320.836.132</b>
1. Tiền	111		41.847.090.332	47.320.836.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>110.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	110.000.000.000	30.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.627.514.845</b>	<b>132.691.050.587</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.012.379.540	72.497.736.139
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.061.124.931	4.838.938.410
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	53.454.260.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.554.010.374	1.900.116.038
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.003.504</b>	<b>2.432.685</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.003.504	2.432.685
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.906.949.332</b>	<b>57.599.361.157</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	3.372.365.760	3.378.129.263
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		259.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	58.534.324.572	54.221.231.894
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>681.726.467.794</b>	<b>703.186.950.168</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	21.000.000	21.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>516.244.990.311</b>	<b>535.515.151.987</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	512.164.784.629	530.115.553.695
- Nguyên giá	222		850.272.735.301	845.659.171.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338.107.950.672)	(315.543.617.424)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.080.205.682	5.399.598.292
- Nguyên giá	228		21.108.219.285	20.925.962.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.028.013.603)	(15.526.363.993)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>97.826.139.590</b>	<b>100.470.894.196</b>
- Nguyên giá	231		150.717.998.275	149.930.033.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.891.858.685)	(49.459.139.029)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>756.350.000</b>	<b>674.856.210</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	756.350.000	674.856.210
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>66.877.987.893</b>	<b>66.505.047.775</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	64.871.185.724	64.498.245.606
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.006.802.169	2.006.802.169
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>968.114.025.807</b>	<b>970.800.630.729</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.444.785.899</b>	<b>85.830.854.151</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.625.546.576</b>	<b>73.785.695.887</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.989.231.932	5.439.550.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	62.418.270	341.261.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.857.301.038	3.811.170.617
4. Phải trả người lao động	314	V.14	9.685.178.832	12.647.222.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	387.832.123	426.695.840
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	3.777.181.437	7.046.194.180
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	22.982.460.364	44.007.159.205
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	24.883.942.580	66.441.741
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.819.239.323</b>	<b>12.045.158.264</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	3.819.239.323	12.045.158.264
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**


Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>892.669.239.908</b>		<b>884.969.776.578</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>892.669.239.908</b>		<b>884.969.776.578</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	571.757.000.000		571.757.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.857.000.000		499.857.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		71.900.000.000		71.900.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	20.699.432.342		20.699.432.342	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-		-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-		-	
5. Cổ phiếu quỹ	415		-		-	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-		-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	8.637.511.281		8.637.511.281	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-		-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-		-	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	291.575.296.285		283.875.832.955	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		69.828.890.925		283.875.832.955	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		221.746.405.360		-	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-		-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>					
1. Nguồn kinh phí	431		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>968.114.025.807</b>		<b>970.800.630.729</b>	

  
 Ngô Thị Anh Thư  
 Người lập

  
 Lê Xuân Lộc  
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

  
 Nguyễn Quốc Khánh  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	361.784.419.239	314.138.583.744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		361.784.419.239	314.138.583.744
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.793.788.028	64.353.156.491
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		285.990.631.211	249.785.427.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.951.359.425	3.276.695.660
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	110.528.086	186.227.432
Trong đó: chi phí lãi vay và thuê tài chính	23		-	145.633.526
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	33.716.943.097	28.933.070.319
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		257.114.519.453	223.942.825.162
11. Thu nhập khác	31	VI.6	51.640.876	46.704.632
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.223.909.287	1.339.657.532
13. Lợi nhuận khác	40		(1.172.268.411)	(1.292.952.900)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		255.942.251.042	222.649.872.262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	16.195.845.682	14.142.953.094
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>239.746.405.360</u>	<u>208.506.919.168</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	<u>4.436</u>	<u>3.871</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	<u>4.436</u>	<u>3.871</u>



*(Handwritten signatures in blue ink)*

Ngô Thị Anh Thu  
Người lập

Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		255.942.251.042	222.649.872.262
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8,9	27.528.940.594	27.597.273.192
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	107.987.212	(65.625.359)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(4.964.973.081)	(3.149.479.019)
- Chi phí lãi vay	06		-	145.633.526
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		278.614.205.767	247.177.674.602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.590.691.505	(15.170.636.755)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.570.819)	1.819.616
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.124.370.007)	(2.244.586.042)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(367.176.615)	(456.761.863)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(153.483.829)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(20.508.938.360)	(21.588.451.348)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>256.200.841.471</b>	<b>207.565.574.381</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 7, 8,9, 10, 11	(6.131.469.070)	(1.623.495.343)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(170.000.000.000)	(123.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.781.192.000	179.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	5.012.077.467	4.988.525.366
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(64.338.199.603)</b>	<b>59.365.030.023</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(10.093.325.235)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a, V.19, VII	(197.224.533.000)	(156.937.588.980)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(197.224.533.000)</i></u>	<u><i>(167.030.914.215)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.361.891.132)	99.899.690.189
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	47.320.836.132	47.313.663.845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(111.854.668)	(31.187.375)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	<u>41.847.090.332</u>	<u>147.182.166.659</u>

Ngô Thị Anh Thư  
Người lập

Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

0300  
CÔ  
ÁCH NH  
M TOA  
A  
NH.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
- Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dạy nghề.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 516 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 454 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).





## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, công cụ, dụng cụ và chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Giá trị quyền sử dụng đất*

Giá trị quyền khai thác khu đất 14,3 ha thể hiện khoản tiền góp vốn theo thỏa thuận của Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa máy bay A41) vào Công ty với số tiền là 71.900.000.000 VNĐ. Giá trị quyền khai thác này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian khai thác là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ( xem thuyết minh V.6b).

Bắt đầu từ ngày 01/01/2017, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc phân bổ Giá trị quyền khai thác khu đất từ phân bổ theo phương pháp đường thẳng sang không phân bổ theo Biên bản làm việc ngày 18 tháng 10 năm 2017 với Cục Thuế TP HCM.

#### *Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính*

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 45
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	04 – 05



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	10 - 45
Cơ sở hạ tầng	10 - 20



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hoặc khi Hội đồng quản trị quyết định tạm chia cổ tức và thông báo cho cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.





## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.527.965.797	4.631.626.863
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.318.018.734	42.687.657.924
Tiền đang chuyển	1.105.801	1.551.345
<b>Cộng</b>	<b>41.847.090.332</b>	<b>47.320.836.132</b>

#### 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	110.000.000.000	110.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	739.957.907	739.470.735
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam-CTCP	739.957.907	739.470.735
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	69.272.421.633	71.758.265.404
Công ty Cổ Phần VietjetAir Cargo	9.773.330.683	6.785.835.614
Emirates Airlines	3.398.252.413	6.819.611.525
Các khách hàng khác	56.100.838.537	58.152.818.265
<b>Cộng</b>	<b><u>70.012.379.540</u></b>	<b><u>72.497.736.139</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	475.328.700	-
Công ty TNHH xe nâng Tín Quang	227.040.000	2.318.855.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ngô Trường Phát	-	549.146.432
Công ty TNHH Nhà thép Đức Thiện Long An	107.944.467	631.436.933
Các nhà cung cấp khác	250.811.764	1.339.500.045
<b>Cộng</b>	<b><u>1.061.124.931</u></b>	<b><u>4.838.938.410</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, số dư trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản là 160.843.731 VND (số đầu năm là 46.601.280 VND).

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	364.291.713	-	523.365.109	-
Tiền thuế thu nhập cá nhân được hoàn	741.827.775	-	426.768.898	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào tạm ghi nhận	-	-	472.612.168	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	414.027.397	-	477.369.863	-
Bảo hiểm xã hội	2.307.200	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	398.200	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31.158.089	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.554.010.374</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.900.116.038</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí trả trước

#### 6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.939.690.121	3.231.554.352
Chi phí bảo hiểm	152.102.278	114.943.911
Chi phí đồng phục	196.505.165	31.631.000
Chi phí khác	84.068.196	-
<b>Cộng</b>	<b>3.372.365.760</b>	<b>3.378.129.263</b>

#### 6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	686.679.950	-
Giá trị quyền khai thác khu đất (xem Thuyết minh IV.6)	60.650.340.135	60.650.340.135
Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán tài sản cố định đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	3.534.165.639	3.847.905.471
<b>Cộng</b>	<b>64.871.185.724</b>	<b>64.498.245.606</b>

### 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	459.097.993.004	120.967.931.559	236.339.271.887	28.758.962.397	495.012.272	845.659.171.119
Mua trong kỳ	95.000.000	80.150.400	3.282.000.000	31.650.000	-	3.488.800.400
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.378.763.782	-	-	-	-	1.378.763.782
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(254.000.000)	-	-	(254.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>460.571.756.786</b>	<b>121.048.081.959</b>	<b>239.367.271.887</b>	<b>28.790.612.397</b>	<b>495.012.272</b>	<b>850.272.735.301</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	677.788.762	2.104.366.147	14.507.001.115	3.370.275.897	495.012.272	21.154.444.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	106.121.120.265	65.575.974.016	121.289.309.694	22.062.201.177	495.012.272	315.543.617.424
Khấu hao trong kỳ	8.074.718.929	4.726.283.321	8.438.587.053	1.354.982.025	-	22.594.571.328
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.238.080)	-	-	(30.238.080)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>114.195.839.194</b>	<b>70.302.257.337</b>	<b>129.697.658.667</b>	<b>23.417.183.202</b>	<b>495.012.272</b>	<b>338.107.950.672</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	352.976.872.739	55.391.957.543	115.049.962.193	6.696.761.220	-	530.115.553.695
Số cuối kỳ	346.375.917.592	50.745.824.622	109.669.613.220	5.373.429.195	-	512.164.784.629
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	20.925.962.285
Mua trong kỳ	182.257.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.108.219.285</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	445.575.998
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	15.526.363.993
Khấu hao trong kỳ	1.501.649.610
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.028.013.603</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	5.399.598.292
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.080.205.682</b>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

**9. Bất động sản đầu tư**

	<b>Tòa nhà văn phòng</b>	<b>Sân đậu máy bay</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	51.576.450.120	98.353.583.105	149.930.033.225
Mua trong kỳ	787.965.050	-	787.965.050
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>52.364.415.170</b>	<b>98.353.583.105</b>	<b>150.717.998.275</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	9.179.385.642	40.279.753.387	49.459.139.029
Khấu hao trong kỳ	714.523.054	2.718.196.602	3.432.719.656
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.893.908.696</b>	<b>42.997.949.989</b>	<b>52.891.858.685</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	42.397.064.478	58.073.829.718	100.470.894.196
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>42.470.506.474</b>	<b>55.355.633.116</b>	<b>97.826.139.590</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	129.506.210	1.249.257.572	(1.378.763.782)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	545.350.000	211.000.000	-	756.350.000
Công trình tòa nhà văn phòng	545.350.000	-	-	545.350.000
Công trình khác	-	211.000.000	-	211.000.000
<b>Cộng</b>	<b>674.856.210</b>	<b>1.460.257.572</b>	<b>(1.378.763.782)</b>	<b>756.350.000</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Hàng hoá Sài Gòn	3.960.013.309	3.796.428.371
Công Ty TNHH Cung ứng Nhân Lực Nhân Kiệt	594.144.341	425.509.662
Các nhà cung cấp khác	1.435.074.282	1.217.612.441
<b>Cộng</b>	<b>5.989.231.932</b>	<b>5.439.550.474</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, số dư phải trả người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản là 35.000.000 VND (số đầu năm là 132.946.597 VND).

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn Phòng bán vé Hãng Hàng không Lufthansa tại Việt Nam	-	138.730.859
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Liên Kết Mỹ	-	44.593.032
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Hàng hóa A.N.C	-	87.634.712
Các khách hàng khác	62.418.270	70.303.104
<b>Cộng</b>	<b>62.418.270</b>	<b>341.261.707</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.751.912.325	-	19.828.345.892 (20.200.042.332)	3.380.215.885	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54.221.231.894	16.195.845.682 (20.508.938.360)	-	-	58.534.324.572
Thuế thu nhập cá nhân	59.258.292	-	4.208.563.006 (3.790.736.145)	477.085.153	-	-
Các loại thuế khác	-	-	215.914.455 (215.914.455)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.811.170.617</b>	<b>54.221.231.894</b>	<b>40.448.669.035 (44.715.631.292)</b>	<b>3.857.301.038</b>	<b>58.534.324.572</b>	

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo Luật thuế Giá trị gia tăng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty đang áp dụng 2 mức thuế suất như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112 ngày 20 tháng 4 năm 2009 và hướng dẫn của Công văn số 4841/CT-TTKT2 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% đối với thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng mới công trình Nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với thời hạn 15 năm kể từ năm 2010, miễn thuế phải nộp trong 4 năm từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50 % số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	255.942.251.042	222.649.872.262
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.570.776.113	2.793.127.615
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.376.293.474)
Thu nhập tính thuế	257.513.027.155	224.066.706.403
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>51.502.605.431</b>	<b>44.813.341.281</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(23.537.839.833)</i>	<i>(20.446.925.458)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(11.768.919.916)</i>	<i>(10.223.462.729)</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>16.195.845.682</b>	<b>14.142.953.094</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ phải trả.

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan</i>	<i>3.700.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP - Tiền trả trước về cho thuê sân đậu máy bay	3.700.000.000	7.000.000.000
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i>	<i>77.181.437</i>	<i>46.194.180</i>
Tiền trả trước về cho thuê văn phòng	76.761.437	45.774.180
Tiền trả trước về cho thuê hộp thư	420.000	420.000
<b>Cộng</b>	<b>3.777.181.437</b>	<b>7.046.194.180</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Phải trả khác

#### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	26.293.750.000
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	-	26.250.000.000
Công TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41	-	43.750.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.982.460.364	17.713.409.205
Kinh phí công đoàn	658.369.500	-
Bảo hiểm y tế	833.400	-
Nhận ký quỹ thuê văn phòng và bảo đảm cung cấp dịch vụ	9.219.747.949	-
Cổ tức phải trả	13.056.648.205	17.713.409.205
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	46.861.310	-
<b>Cộng</b>	<b>22.982.460.364</b>	<b>44.007.159.205</b>

#### 17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ thuê văn phòng và bảo đảm thực hiện dịch vụ dài hạn	-	1.062.882.800
Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	-	10.982.275.464
Các khách hàng khác	3.819.239.323	-
<b>Cộng</b>	<b>3.819.239.323</b>	<b>12.045.158.264</b>

#### 17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	66.441.741	61.441.745
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	29.099.852.030	8.000.000.000
Kết chuyển sang Phải trả cho nhân viên	(4.282.351.191)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.883.942.580</b>	<b>8.061.441.745</b>

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	571.757.000.000	20.699.432.342	2.090.557.577	366.154.967.977	960.701.957.896
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	208.506.919.168	208.506.919.168
Trích lập các quỹ	-	-	6.546.953.704	(14.546.953.704)	(8.000.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(314.914.200.000)	(314.914.200.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>571.757.000.000</b>	<b>20.699.432.342</b>	<b>8.637.511.281</b>	<b>245.200.733.441</b>	<b>846.294.677.064</b>
Số dư đầu năm nay	571.757.000.000	20.699.432.342	8.637.511.281	283.875.832.955	884.969.776.578
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	239.746.405.360	239.746.405.360
Trích lập các quỹ	-	-	-	(29.099.852.030)	(29.099.852.030)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(202.947.090.000)	(202.947.090.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>571.757.000.000</b>	<b>20.699.432.342</b>	<b>8.637.511.281</b>	<b>291.575.296.285</b>	<b>892.669.239.908</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Gemadep	184.416.400.000	184.416.400.000
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (*)	72.025.000.000	72.025.000.000
Các cổ đông khác	240.315.600.000	240.315.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>571.757.000.000</u></b>	<b><u>571.757.000.000</u></b>

(\*) Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 góp vốn dưới hai hình thức:

- Bằng quyền khai thác khu đất 14,3 ha để sở hữu 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức trong suốt dự án và không chuyển đổi.
- Bằng tiền để sở hữu 12.500 cổ phiếu phổ thông với quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác.

#### 19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.175.700	57.175.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.175.700	57.175.700
- Cổ phiếu phổ thông	49.985.700	49.985.700
- Cổ phiếu ưu đãi	7.190.000	7.190.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.175.700	57.175.700
- Cổ phiếu phổ thông	49.985.700	49.985.700
- Cổ phiếu ưu đãi	7.190.000	7.190.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

Theo Hợp đồng Hợp tác Khai thác Dịch vụ Tổng hợp Hàng không số 01/2015/PKKQ-SCSC ngày 04 tháng 02 năm 2015 với Quân chủng Phòng không – Không quân

- Cổ tức đợt 1 năm 2019 của cổ phiếu ưu đãi (\*) : 18.000.000.000

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số SCSC19/ĐHĐCĐ/NQ/01 ngày 14 tháng 5 năm 2019 như sau:

- Chia cổ tức đợt 2 năm 2018 cho các cổ đông phổ thông : 184.947.090.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 : 29.099.852.030

(\*) Theo hợp đồng đã nêu, Công ty phải trả lợi nhuận sau thuế hàng năm (trong suốt thời gian còn lại của dự án từ năm 2014 đến năm 2057) cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân) mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 20. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

##### Ngoại tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Công ty bao gồm 276,546.98 USD (số đầu năm là 198,357.29 USD).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu khai thác nhà ga	336.301.960.763	290.422.335.013
Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	3.486.772.132	3.504.586.857
Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe sân bóng... và các dịch vụ liên quan	21.499.294.818	19.474.515.617
Doanh thu khác	496.391.526	737.146.257
<b>Cộng</b>	<b>361.784.419.239</b>	<b>314.138.583.744</b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh về cho thuê sân đậu máy bay và cơ sở hạ tầng cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP với số tiền là 7.344.772.132 VND (cùng kỳ năm trước là 7.362.586.857 VND).

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn khai thác nhà ga	69.356.647.066	58.106.057.680
Giá vốn cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan	3.593.779.694	3.424.479.898
Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	2.718.196.602	2.718.196.599
Giá vốn khác	125.164.666	104.422.314
<b>Cộng</b>	<b>75.793.788.028</b>	<b>64.353.156.491</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.562.160.439	2.344.657.101
Tiền phạt thanh toán chậm	-	61.290.270
Lãi tiền cho vay	2.386.574.562	804.821.918
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.624.424	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	65.926.371
<b>Cộng</b>	<b>4.951.359.425</b>	<b>3.276.695.660</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	145.633.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	40.593.906
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	108.378.241	-
Chi phí tài chính khác	2.149.845	-
<b>Cộng</b>	<b>110.528.086</b>	<b>186.227.432</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.359.337.843	11.890.892.662
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.594.431.422	2.982.254.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.475.857.380	3.387.568.712
Thuế, phí và lệ phí	65.328.270	81.893.234
Chi phí điện, nước	6.519.978.565	5.425.440.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.198.947.018	1.960.828.022
Các chi phí khác	4.503.062.599	3.204.192.632
<b>Cộng</b>	<b>33.716.943.097</b>	<b>28.933.070.319</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.238.080	-
Thu nhập khác	35.402.796	46.704.632
<b>Cộng</b>	<b>51.640.876</b>	<b>46.704.632</b>

#### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	588.000.000	648.000.000
Khác	635.909.287	691.657.532
<b>Cộng</b>	<b>1.223.909.287</b>	<b>1.339.657.532</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	239.746.405.360	208.506.919.168
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(18.000.000.000)	(15.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	221.746.405.360	193.506.919.168
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	49.985.700	49.985.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.436</b>	<b>3.871</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	221.746.405.360	193.506.919.168
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	221.746.405.360	193.506.919.168
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	49.985.700	49.985.700
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.436</b>	<b>3.871</b>

#### 8c. Thông tin khác

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 6 tháng đầu năm 2018 với số tiền là 10.223.462.729 VND do đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế theo Công văn số 4841/CT-TTKT2 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước tăng từ 3.667 VND lên 3.871 VND.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.594.431.422	2.982.254.421
Chi phí nhân công	43.064.877.090	33.822.241.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.528.940.594	27.597.273.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.754.091.150	25.598.372.227
Chi phí khác	4.568.390.869	3.286.085.866
<b>Cộng</b>	<b>109.510.731.125</b>	<b>93.286.226.810</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

#### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã trả một phần cổ tức đợt 2 năm 2018 với số tiền là 36.673.068.000 VND cho Công ty Cổ phần Gemadept bằng hình thức cản trừ với nợ cho Công ty này vay.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thưởng	2.047.241.800	2.053.451.000
Thù lao	588.000.000	648.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.635.241.800</b>	<b>2.701.451.000</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gemadept	Cổ đông nắm giữ 32,25% cổ phần
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	Cổ đông nắm giữ 13,12% cổ phần
Công ty TNHH MTV Sửa Chữa máy bay 41	Cổ đông nắm giữ 12,60% cổ phần và có ảnh hưởng đáng kể

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Gemadept</b>		
Cho vay	50.000.000.000	80.000.000.000
Lãi tiền cho vay	2.386.574.562	804.821.918
Cổ tức được chia	68.234.068.000	55.324.920.000
<b>Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP</b>		
Cổ tức được chia	27.750.000.000	45.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41</b>		
Lợi nhuận được chia	18.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức được chia	46.250.000	75.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.16 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ và trong một khu vực địa lý là TP. Hồ Chí Minh.

### 3. Số liệu so sánh

Từ năm 2014 tới năm 2015, Công ty áp dụng thuế suất 22%, từ năm 2016 đến năm 2018, Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tuy nhiên, theo Công văn số 4841/CT-TTKT2 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ dự án đầu tư xây dựng mới công trình Nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với thời hạn 15 năm kể từ năm 2010, miễn thuế phải nộp trong 4 năm từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ năm 2014.

Theo đó, Công ty đã tính toán lại và điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2014 đến năm 2018 theo hướng dẫn tại công văn nêu trên. Cụ thể như sau:

Năm	Thuế TNDN đã		
	ghi nhận các năm trước	Thuế TNDN tính toán lại	Chênh lệch cần điều chỉnh
Năm 2014	10.407.483.493	3.167.010.670	7.240.472.824
Năm 2015	19.817.275.475	11.236.070.939	8.581.204.536
Năm 2016	30.682.940.266	17.819.443.911	12.863.496.355
Năm 2017	42.105.196.368	24.479.996.660	17.625.199.708
Năm 2018	50.998.102.574	29.578.305.742	21.419.796.832
<i>Trong đó:</i>			
<i>6 tháng đầu năm 2018</i>	<i>24.366.415.823</i>	<i>14.142.953.094</i>	<i>10.223.462.729</i>
<b>Cộng</b>	<b>154.010.998.177</b>	<b>86.280.827.922</b>	<b>67.730.170.254</b>

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
		điều chỉnh		chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>				
Tài sản ngắn hạn	100	213.392.448.667	54.221.231.894	267.613.680.561
Tài sản ngắn hạn khác	150	3.378.129.263	54.221.231.894	57.599.361.157
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	54.221.231.894	54.221.231.894
Tổng cộng tài sản	270	916.579.398.835	54.221.231.894	970.800.630.729
Nợ phải trả	300	99.339.792.511	(13.508.938.360)	85.830.854.151
Nợ ngắn hạn	310	87.294.634.247	(13.508.938.360)	73.785.695.887
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.320.108.977	(13.508.938.360)	3.811.170.617



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Vốn chủ sở hữu	400	817.239.606.324	67.730.170.254	884.969.776.578
Vốn góp của chủ sở hữu	410	817.239.606.324	67.730.170.254	884.969.776.578
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	216.145.662.701	67.730.170.254	283.875.832.955
Tổng cộng nguồn vốn	440	916.579.398.835	54.221.231.894	970.800.630.729

#### *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24.366.415.823	(10.223.462.729)	14.142.953.094
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	198.283.456.439	10.223.462.729	208.506.919.168
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.667	204	3.871
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.667	204	3.871

#### *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ*

Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.725.138.501)	(7.445.498.254)	(15.170.636.755)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(9.690.084.296)	7.445.498.254	(2.244.586.042)

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.847.090.332	-	41.847.090.332
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.000.000.000	-	110.000.000.000
Phải thu khách hàng	70.012.379.540	-	70.012.379.540
Các khoản phải thu khác	468.890.886	-	468.890.886
<b>Cộng</b>	<b>222.328.360.758</b>	-	<b>222.328.360.758</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.320.836.132	-	47.320.836.132
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	72.497.736.139	-	72.497.736.139
Các khoản cho vay	53.454.260.000	-	53.454.260.000
Các khoản phải thu khác	498.369.863	-	498.369.863
<b>Cộng</b>	<b>203.771.202.134</b>	-	<b>203.771.202.134</b>

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán	5.989.231.932	-	5.989.231.932
Các khoản phải trả khác	22.711.089.587	3.819.239.323	26.530.328.910
<b>Cộng</b>	<b>28.700.321.519</b>	<b>3.819.239.323</b>	<b>32.519.560.842</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	5.439.550.474	-	5.439.550.474
Các khoản phải trả khác	44.433.855.045	12.045.158.264	56.479.013.309
<b>Cộng</b>	<b>49.873.405.519</b>	<b>12.045.158.264</b>	<b>61.918.563.783</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	276,546.98	198,357.29
Phải thu khách hàng	279,530.52	486,349.02
<b>Tài sản thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b><u>556,077.50</u></b>	<b><u>684,706.31</u></b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

### 4d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.847.090.332	-	47.320.836.132	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	70.012.379.540	-	72.497.736.139	-
Các khoản cho vay	-	-	53.454.260.000	-
Các khoản phải thu khác	468.890.886	-	498.369.863	-
<b>Cộng</b>	<b>222.328.360.758</b>	<b>-</b>	<b>203.771.202.134</b>	<b>-</b>

##### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.989.231.932	5.439.550.474
Các khoản phải trả khác	26.530.328.910	56.479.013.309
<b>Cộng</b>	<b>32.519.560.842</b>	<b>61.918.563.783</b>

##### Giá trị hợp lý


Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.


#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số SCSC19/HĐQT/NQ/16 ngày 17 tháng 7 năm 2019 Công ty sẽ phát hành 380.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu với giá phát hành là 48.000 VND/ cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty. Kế hoạch sẽ được thực hiện vào quý II và III năm 2019 và trong vòng 45 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.

Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không còn sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

  
Ngô Thị Anh Thư  
Người lập biểu

  
Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

